

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày 05-8-2025

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Hoàng Bá**.

2. Bà **Đoàn Sơn Lâm**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Hạnh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Lê Cẩm T**, sinh năm: 1986. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông **Trần Văn T1**, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Bà và ông Trần Văn T1 sống chung với nhau có tổ chức lễ cưới, và đăng ký kết hôn số 18 ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã B Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bà và ông Trần Văn T1 bất đồng quan điểm sống, ông Trần Văn T1 không lo lao

động chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung nên hôn nhân không hạnh phúc. Bà và ông Trần Văn T1 sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai chủ động hàn gắn tình cảm. Nay bà không còn tình cảm với ông Trần Văn T1 nên bà xin ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Trần Văn T1 có 01 con chung tên Hồ Trung H, sinh ngày 22/01/2019; từ khi ly thân đến nay cháu H bị ông T1 dẫn quê ông T1 sinh sống và không cho bà liên lạc với cháu H. Khi ly hôn, bà xin tiếp tục nuôi cháu H bà không yêu cầu ông Trần Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T1 mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Hồ Bích T2 được ly hôn với ông Trần Văn T1. Về con chung, giao cháu Hồ Trung H, sinh ngày 22/01/2019 cho bà Hồ Bích T2 tiếp tục nuôi dưỡng, ông Trần Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trần Văn T1 có nơi cư trú tại ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của bà Hồ Bích T2 và ông Trần Văn T1 là hoàn toàn tự nguyện, tuy có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà Hồ Bích T2 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của ông, bà chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hôn nhân không hạnh phúc và sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Mặc khác tại biên bản xác minh ngày 01/7/2025 ông D cung cấp vợ chồng bà Hồ Bích T2 và ông Trần Văn T1 cũng không còn sống chung, ông T1 bắt cháu H theo ông T1 nhưng cuộc sống của ông T1 thì bấp bênh chưa cho cháu H đi học còn nguyên nhân mâu thuẫn thì ông không biết và đơn xác nhận ngày 02/7/2025 trưởng ấp T, xã B ông V xác nhận từ lúc cháu Hiếu sinh ra bà T2 là người trực tiếp chăm sóc cháu H đến khi bà T2 với ông T1 xảy ra mâu thuẫn thì ông T1 đã bắt cháu H về trên V sinh sống và không cho bà T2 gặp cháu H. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T2 có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án về hôn nhân gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Hồ Bích T2 được ly hôn với ông Trần Văn T1.

[3] Về con chung: Bà Hồ Bích T2 và ông Trần Văn T1 có cháu Hồ Trung H, sinh ngày 22/01/2019. Từ khi ly thân đến nay ông T1 dẫn cháu H theo ông sinh sống nhưng cuộc sống không ổn định và không cho bà T2 thăm cháu H và cũng không có yêu cầu phản đối gì với yêu cầu nuôi con của bà T2. Khi ly hôn bà T2 xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Mặc khác bà T2 chăn nuôi và buôn bán hải sản thu nhập cũng ổn định nên cần giao cháu H cho bà T2 nuôi dưỡng để chăm lo đầy đủ cho cháu H phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà T2 không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Bích T2 phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82 và 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hồ Bích T2 được ly hôn với ông Trần Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Trung H, sinh ngày 22/01/2019 cho bà Hồ Bích T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở ông Trần Văn T1 thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Hồ Bích T2 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0004059 ngày 29/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tại Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ nên nguyên đơn không phải nộp thêm án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS nhân dân Khu vực 4- Cần Thơ
- Cục THA dân sự TP Cần Thơ;
- Phòng THA dân sự Khu vực 4 - Cần Thơ
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nhật Trường